TAND HUYỆN CẨM THỦY **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19/03/2025
Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

***Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình và ông Nguyễn Hữu Thư

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2025, Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn và nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST ngày 27 tháng 02 năm 2025.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị L, sinh năm 1996

HKTT: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phùng Văn D, sinh năm 1987

HKTT: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnhThanh Hóa

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai - Đã được tống đạt hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bàn Thị L trình bày: Chị và anh Phùng Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 28 tháng 4 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc tại gia đình nhà chồng. Đến cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không quan

tâm đến nhau, tình cảm phai nhạt. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2024. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vì vậy chị làm đơn xin được ly hôn đối với anh Phùng Văn D.

Về con chung: Chị L và anh D có ba con chung là cháu Phùng Thị T - Sinh ngày 05/06/2014, cháu Phùng Văn V - Sinh ngày 9/3/2016 và cháu Phùng Linh S - Sinh ngày 17/8/2019.

Hiện nay các cháu đang ở với bà nội và anh D. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị L có nguyện vọng xin được nuôi con. Nhưng ngày 18 tháng 3 chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thay đổi nguyện vọng về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể chị L nhất trí theo nguyện vọng nuôi con của anh D, giao cả 3 cháu Phùng Thị T, cháu Phùng Văn V và cháu Phùng Linh S cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị L cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng (Cả ba cháu là 3.000.000 đồng/ tháng).

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Anh Dũng trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L theo ý kiến chị L trình bày là đúng thực tế. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 4 năm 2014 tại UBND xã C, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ anh D. Vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Vì vậy chị L làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung anh xác nhận có 03 con chung là cháu Phùng Thị T - Sinh ngày 05/06/2014, cháu Phùng Văn V - Sinh ngày 9/3/2016 và cháu Phùng Linh S - Sinh ngày 17/8/2019.

Nếu ly hôn anh D cũng có nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.500.000đồng/tháng (Cả ba cháu là 4.500.000 đồng/ tháng).

Về tài sản chung: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về Hôn nhân: Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh D.

Về con chung: Giao cả 3 cháu Phùng Thị T, cháu Phùng Văn V và cháu Phùng Linh S

cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bàn Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh Phùng Văn D có hộ khẩu thường trú tại: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về "Ly hôn và nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về Hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống chị L và anh D phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính nết không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã phải sống ly thân. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Bàn Thị L được ly hôn anh Phùng Văn D là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị L và anh D có 3 con chung là: Cháu Phùng Thị T - Sinh ngày 05/06/2014, cháu Phùng Văn V - Sinh ngày 9/3/2016 và cháu Phùng Linh S - Sinh ngày 17/8/2019.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị L có nguyện vọng xin được nuôi con. Nhưng ngày 18 tháng 3 chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thay đổi nguyện vong về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể, Chị L nhất trí theo nguyện vọng nuôi con của anh D, giao cả 3 cháu cháu Phùng Thị T, cháu Phùng Văn V và cháu Phùng Linh S cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Xét thấy: Các cháu: Phùng Thị T, Phùng Văn V, Phùng Linh S đang ở ổn định với anh D; cháu T và cháu V có nguyện vọng được ở với anh D. Anh Dũng có nguyện vọng và có đủ điều kiện để nuôi con chung. Vì vậy giao cả ba con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L đề nghị mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/cháu là phù hợp với thu nhập của chị L và mức sống tại địa phương vì vậy có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227, điều 228, Điều 238 và điều 273 BLTTDS. Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82 và 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27, Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bàn Thị Linh

Xử cho chị Bàn Thị L được ly hôn anh Phùng Văn D.

Về con chung: Giao cả 3 cháu Phùng Thị T - Sinh ngày 05/06/2014, cháu Phùng Văn V - Sinh ngày 9/3/2016 và cháu Phùng Linh S - Sinh ngày 17/8/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng cho anh D, mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng (Cả 3 cháu là 3.000.000đồng/tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu Phùng Thị T, cháu Phùng Văn V và cháu Phùng Linh S đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị đã nộp theo biên lai thu số 0005059 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị L còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Cẩm Thủy;
- UBND xã thực hiện đăng ký;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Trọng Sơn